

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 13/2023/HS-ST
Ngày 20 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Nguyệt.

Ông Triệu Tiến Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 31/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 05/7/2023 đối với các bị cáo:

- VŨ VĂN T, sinh ngày 24/12/1995 tại huyện V, tỉnh H; nơi cư trú: Xã T, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc T1 sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1972; có vợ là chị Đỗ Thị V; sinh năm 1997; và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Số căn cước công dân: 002095007672 cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2022 đến ngày 12/01/2023 và được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 12/01/2023 cho đến nay tại xã T, huyện V, tỉnh H, có mặt;

- VŨ VĂN C, sinh ngày 04/3/1976 tại huyện V, tỉnh H; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn A (đã chết) và bà Trịnh Thị N sinh năm 1932; có vợ là chị Vũ Thị L; sinh năm 1982; và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Số chứng minh nhân dân: 073170540; cấp ngày: 08/5/2014; nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2022 cho đến nay tại thị trấn C, huyện X, tỉnh H, có mặt;

- Bị hại: Ông Ly Văn C1 (đã chết) và bà Thèn Thị V, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện H, tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Ly Thị S, sinh năm 1990 là con đẻ của ông Ly Văn C1 và bà Thèn Thị V; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh H, có mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Âu Đức N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Ly Đức H, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện H, tỉnh H; có mặt;

Hợp tác xã vận tải và dịch vụ thương mại Khởi P; địa chỉ: Tổ 02 thị trấn C, huyện X, tỉnh H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Quang K- Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

- Người làm chứng: Cầu Xuân Q vắng mặt; Nguyễn Văn Đ có mặt; Sin Thị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Vũ Văn C mua xe ô tô chở khách nhãn hiệu HYUNDAI số loại COUNTY, màu trắng, số máy D4DA7331996, số khung 17AP8C037937, (loại xe 29 chỗ ngồi), biển kiểm soát 23B-00341 (mua lại của nhà xe Ngọc C) rồi đăng ký vào Hợp tác xã vận tải và dịch vụ thương mại Khởi P (sau đây viết tắt là Hợp tác xã Khởi P), do ông Trương Quang K làm giám đốc để làm thương hiệu kinh doanh, vận chuyển hành khách tuyến huyện Xín Mần đi thành phố Hà Giang và ngược lại. Sau đó Hợp tác xã Khởi P giao xe cho ông C quản lý và sử dụng hàng ngày. Sau khi nhận xe C tự thuê Vũ Văn T làm phụ xe. Đến năm 2021 C biết T chỉ có giấy phép lái xe hạng C không đủ điều kiện để điều khiển xe ô tô khách loại 29 chỗ ngồi theo quy định nhưng C vẫn giao xe ô tô biển kiểm soát 23B-00341 cho T điều khiển và trả cho T 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/6/2022 T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 23B-00341 đón và chở khách từ thị trấn Cốc Pài, huyện X đi thành phố H, theo đường tỉnh lộ 177, trên xe có Nguyễn Văn Đ là phụ xe; Cầu Xuân Q, Sin Thị T và một số hành khách. Khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày khi T điều khiển xe ô tô chở khách đến km 63+090 thuộc địa phận thôn B, xã T, huyện H là đoạn đường cong cua, mặt đường có chiều rộng là 3,7m (từ tâm đường đến mép đường mỗi bên là 1,85m). T điều khiển xe ô tô đi với vận tốc khoảng 30-40 km/giờ, phần thân xe ô tô bên trái lấn sang bên trái đường hướng di chuyển cách tâm đường là 0,502m, khoảng trống bên phải đường còn lại là 0,67m thì phát hiện một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, số máy JA36E0072354, số khung 3614EY 022675 màu đen, biển kiểm soát 23F1-05206 là xe do ông Ly Văn C1 điều khiển đi ngược chiều (hướng huyện H đi huyện X)

chở theo vợ là Thèn Thị V ngồi phía sau, đang tham gia giao thông ở khu vực gần giữa đường cách tâm đường về bên phải hướng di chuyển là 0,307m, khoảng trống còn lại bên phải đường là 1,543m. Do T đi lấn sang phần đường xe đi ngược chiều nên dẫn đến phần đầu xe ô tô bên trái đâm vào xe máy biển kiểm soát 23F1-05206 do ông C1 điều khiển, làm cho xe máy và ông C1, bà V bị ngã đổ xuống mặt đường. Ông C1 và bà V bị thương nặng được mọi người đưa vào bệnh viện để cấp cứu. Kết quả giám định ông C1 bị tổn thương cơ thể là 80% (tám mươi phần trăm). Bà V bị tổn thương cơ thể là 47% (bốn mươi bảy phần trăm). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông C1 và bà V là 127% (một trăm hai mươi bảy phần trăm). Đến ngày 31/3/2023 ông C1 chết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 257/KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, tỉnh Hà Giang kết luận: *Các bộ phận thay mới của xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại COUNTY, loại xe ô tô khách 29 chỗ, biển kiểm soát 23B-00341, có tổng giá trị là 8.850.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); Các bộ phận thay mới của xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại Ja36BLAD, dung tích 109,1cm³, biển kiểm soát 23F1-05206 có tổng giá trị là 1.090.000 đồng (một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng giá trị của các tài sản trên là 9.940.000 đồng (chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).*

Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 54TgT ngày 02/8/2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà V do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 26% (hai mươi sáu phần trăm). Hiện tại tổn thương gãy xương đùi trái, còn phương tiện kết xương, đang trong giai đoạn can xương, nên chưa có cơ sở để đánh giá mức độ can tốt hay xấu. Vậy đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoàng Su Phì trưng cầu giám định bổ sung khi xương đã can.*

Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung số 04TgT ngày 30/01/2023 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: *Bà V, gãy 1/3 giữa xương đùi trái can xấu: 28%(hai mươi tám phần trăm); Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ Y tế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 28% (hai mươi tám phần trăm). Tổng tỷ lệ tổn thương tại bản kết luận số 54/TgT ngày 02/8/2022 và bản kết luận số 04/TgT ngày 30/01/2023 của bà V là: 47% (bốn mươi bảy phần trăm).*

Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 54TgT ngày 02/8/2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 80% (tám mươi phần trăm).*

Tại bản Kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số 02/KLTTHS-TTPY ngày 20/4/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận: *Qua nghiên cứu hồ sơ tài liệu do Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoàng Su Phì cung cấp. Kíp giám định có nhận định như sau: Căn cứ các tổn thương trong hồ sơ bệnh án không đủ cơ sở để kết luận nguyên nhân chết.*

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì đã thu giữ vật chứng: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI số loại COUNTY, màu trắng, số máy D4DA7331996, số khung 17AP8C037937, biển kiểm soát 23B-00341, đã qua sử dụng; 01 (một) ổ cứng nhãn hiệu VTR-Smartcam-01 “thiết bị giám sát hành trình tích hợp đầu ghi camera”, có số mã vạch “8936204670003”; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký ô tô số: 011576 mang tên Hợp tác xã vận tải và dịch vụ thương mại Khởi P; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số No: EA0990510; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số AD/0852337; 01 (một) giấy phép lái xe số/No; 020143001997 hạng C mang tên Vũ Văn T do Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 25/8/2021; 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, số máy JA36E0072354, số khung 3614EY022675 màu đen, biển kiểm soát 23F1-05206, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 020057000758 mang tên Ly Văn C1, do Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/8/2016; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000483, số máy JA36E0072354, số khung 3614EY022675, màu đen, biển kiểm soát 23F1-05206 mang tên Ly Văn C1.

Ngày 08/3/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì, đã xác định những tài sản thuộc sở hữu của Hợp tác xã Khởi P và trả lại cho đại diện của Hợp tác xã là ông Trương Văn K theo Quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ- và Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu 02/QĐ-ĐTTH những tài sản, đồ vật sau: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI số loại COUNTY, màu trắng, số máy D4DA7331996, số khung 17AP8C037937, biển kiểm soát 23B-00341, đã qua sử dụng; 01 (một) ổ cứng nhãn hiệu VTR-Smartcam-01 “thiết bị giám sát hành trình tích hợp đầu ghi camera”, có số mã vạch “8936204670003”; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký ô tô số: 011576 mang tên Hợp tác xã vận tải và dịch vụ thương mại Khởi P; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số No:EA0990510; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số AD/0852337 và trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại là chị Ly Thị S những tài sản, đồ vật sau: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, số máy JA36E0072354, số khung 3614EY022675 màu đen, biển kiểm soát 23F1-05206, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 020057000758 mang tên Ly Văn C1, do Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/8/2016; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000483, số máy JA36E0072354, số khung 3614EY022675, màu đen, biển kiểm soát 23F1-05206 mang tên Ly Văn C1. Bị can T đã sửa chữa xe xong theo yêu cầu của chị S, chị S đã nhận xe và không yêu cầu đề nghị gì.

Hiện còn 01 (một) giấy phép lái xe số/No; 020143001997 hạng C mang tên Vũ Văn T đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSHSP ngày 31/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã Truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều

260 Bộ luật hình sự và bị cáo Vũ Văn C về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người đại diện của các bị hại trình bày: Về trách nhiệm hình sự không có ý kiến gì. Về trách nhiệm dân sự, trong quá trình điều tra và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn C đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 291.550.000 đồng (*Hai trăm chín mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*). Người đại diện của các bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vũ Văn T và Vũ Văn C và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ly Đức H trình bày: anh Ly Đức H nhất trí ý kiến của người đại diện của các bị hại và không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Vũ Văn T và Vũ Văn C. Sau khi phân tích toàn diện, đầy đủ tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và bị cáo Vũ Văn C về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt:

Đề nghị áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo: Vũ Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 260 BLHS cấm bị cáo hành nghề điều khiển phương tiện ô tô tham gia giao thông đường bộ từ 01 đến 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 264; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo: Vũ Văn C từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do các bị cáo và đại diện của các bị hại đã bồi thường xong cho nhau và không có yêu cầu gì thêm nên không có ý kiến đề nghị.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy vật chứng 01 (một) giấy phép lái

xe số/No; 020143001997 hạng C mang tên Vũ Văn T là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo T đề nghị trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo về tội danh điều luật nêu trên hoàn toàn đồng ý không có ý kiến gì, về trách nhiệm dân sự các bên đã thỏa thuận với nhau về bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì thêm nên không có ý kiến; Về hình phạt: Bị cáo Vũ Văn T sinh năm 1995, địa chỉ thôn M, xã T huyện V bị truy tố về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, e khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo; Bị cáo Vũ Văn C sinh năm 1976, địa chỉ tổ 04 thị trấn C, huyện X, tỉnh H bị truy tố về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo 10 tháng tù cho hưởng án treo; người đại diện của bị hại không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo, bị hại không tranh luận với Viện kiểm sát và không tranh luận với nhau.

Đồng tình với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn C: quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội chăm sóc con cái và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và một số người làm chứng. Xét thấy, trong quá trình điều tra những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và họ cũng không có yêu cầu đề nghị gì, việc xét xử vẫn đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng và đúng quy định của pháp luật, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn T và Vũ Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Năm 2021, Vũ Văn C biết Vũ Văn T không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn giao xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI số loại COUNTY, màu trắng, biển kiểm soát 23B-00341, do C quản lý cho T điều khiển chở khách từ huyện X đi thành phố H và ngược lại. Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 26/6/2022, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 23B-00341 chở khách từ huyện X đi thành phố H. Khi đến km 63+090 thuộc địa phận thôn B, xã T, huyện H, tỉnh H gặp xe máy biển kiểm soát 23F1-05206 do ông Ly Văn C1 chở vợ là Thên Thị V đi ngược chiều, T đã điều khiển lấn sang bên trái đường và đâm vào xe máy do ông C1 điều khiển. Hậu quả ông C1 bị tổn thương cơ thể là 80% (tám mươi phần trăm), bà V bị tổn thương cơ thể là 47% (bốn mươi bảy phần trăm). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông C1 và bà V là 127% (một trăm hai mươi bảy phần trăm). Bị cáo Vũ Văn T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và bị cáo Vũ Văn C đã phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 264 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ và Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn giao thông đường bộ ở địa phương. Bị cáo T biết rõ bản thân mình không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn điều khiển gây tai nạn; bị cáo C biết bị cáo T không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn giao xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI cho T điều khiển chở khách gây ra tai nạn cho ông C1, bà V. Do đó, cần xử lý các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: các bị cáo có nhân thân tốt chưa từng bị xử lý hành chính hoặc bị Tòa án xét xử về vụ án hình sự. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo bị cáo tự nguyện đã khắc phục, bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền 291.550.000 đồng; người đại diện của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, các con của bị cáo còn nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, riêng bị cáo T có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 và

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy cần thiết xử các bị cáo mức án phù hợp thể hiện tính khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, để tương xứng với hành vi các bị cáo thực hiện và việc đấu tranh và phòng, chống tội phạm trên địa bàn huyện, lẽ ra các bị cáo phải bị cách ly khỏi đời sống xã hội. Tuy nhiên xét các bị cáo có đủ các điều kiện để được hưởng án treo như bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS và bị cáo C có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, từ khi bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi phạm tội cho đến nay các bị cáo không tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chấp hành tốt các quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm các lần triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó HĐXX xem xét, quyết định cho các bị cáo cơ hội để tự cải tạo, không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục là phù hợp, như vậy cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung.

Đối với bị cáo T do bị xét xử theo khoản 2 Điều 260 BLHS, để bị cáo có ý thức hơn, tránh gây nguy hại cho xã hội trong việc điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nên cần áp dụng khoản 5 Điều 260 BLHS cấm bị cáo hành nghề điều khiển phương tiện ô tô tham gia giao thông đường bộ trong một thời gian nhất định.

Không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo C theo khoản 4 Điều 264 BLHS, vì hiện tại bị cáo có khó khăn về kinh tế hiện tại vẫn đang nợ ngân hàng một khoản tiền lớn.

[8] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và trong giai đoạn xét xử, các bị cáo T và C đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại với tổng số tiền là 291.550.000 đồng (*Hai trăm chín mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu gì thêm. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại giữa các bị cáo và đại diện của các bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định trả lại một số vật chứng cho chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng là đúng quy định của pháp luật. Đối với các vật chứng còn lại, áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo Vũ Văn T 01 giấy phép lái xe.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Trong vụ án này Hành vi điều khiển xe máy tham gia giao thông vi phạm quy tắc giao thông đường bộ của ông C1 không đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự. Ngày 31/3/2023 ông C1 chết. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2019, Công an huyện Hoàng Su Phì không ra quyết định xử phạt hành chính đối với ông C1 về hành vi không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật quy định tại điểm m khoản 1 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt là có căn cứ.

[12] Đối với ông Trương Quang K làm Giám đốc Hợp tác xã Quang K đã giao xe ô tô biển kiểm soát 23B-00341 cho Vũ Văn C quản lý và sử dụng đúng theo quy định của pháp luật nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Bị cáo Vũ Văn C phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm a, e khoản 2 Điều 260; Điều 41; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 264; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn C 12 (*Mười hai*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao người được hưởng án treo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh H và người được hưởng án treo Vũ Văn C cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện X, tỉnh H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2019

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Vũ Văn C.

3. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 260 BLHS cấm bị cáo Vũ Văn T hành nghề điều khiển phương tiện ô tô tham gia giao thông đường bộ trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo Vũ Văn C theo quy định tại khoản 4 Điều 264 BLHS.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại vật chứng cho bị cáo Vũ Văn T: 01(một) Phong bì đã được niêm phong, bên ngoài đóng 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì và chữ ký, chữ viết của Vũ Văn T, bên trong có 01 (một) giấy phép lái xe số/No; 020143001997 hạng A1; C mang tên Vũ Văn T do Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 25/8/2021.

(Tình trạng và đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/5/2023 giữa Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Đội ĐT Công an huyện Hoàng Su Phì;
- CQ THA hình sự Công an huyện Hoàng Su Phì;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Hà Giang;
- UBND xã T;
- UBND thị trấn C;
- Bị cáo, bị hại, người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phương

